

Số: 10 /QĐ-TGPL

Bình Định, ngày 01 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2019 của
Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước giao đầu năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán NSNN năm 2019 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định (theo các biểu mẫu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính, kế toán đơn vị và viên chức, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm liên quan thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.



Lê Thành Trung

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ- TGPL ngày 07 / 01 / 2019 của Trung tâm TGPL)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
	1 Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	2 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
	3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
	4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
	5 Chi bảo đảm xã hội	
	6 Chi hoạt động kinh tế	5.109.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Kinh phí thực hiện tự chủ Chi lương và bộ máy hành chính)	2.971.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ TGPL)	2.138.000.000
	-KP hoạt động của Hội đồng tổ tụng	66.000.000
	-KP trang phục Trợ giúp viên	45.000.000
	- KP Hoạt động Trợ giúp pháp lý...	1.430.000.000
	- TGPL theo chương trình 32/2016/QĐ-TTg	270.000.000
	- Mua sắm sửa chữa	21.000.000
	- Lập hệ thống cơ sở dữ liệu tin học	24.000.000
	- Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện QĐ 32/2016/QĐ-TTg	282.000.000
	7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
	8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
	9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	